

Bài 3

PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC

1. Khái niệm về đại đoàn kết toàn dân tộc

Đoàn kết trong một cộng đồng là các thành viên trong cộng đồng đó bảo vệ, giúp đỡ, tương trợ, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển; các thành viên hy sinh lợi ích riêng vì lợi ích chung hoặc chấp nhận, tôn trọng lợi ích riêng của các thành viên khác không để ảnh hưởng đến lợi ích chung.

Đoàn kết toàn dân tộc là sự bảo vệ, giúp đỡ, tương trợ, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển... của mọi giai tầng trong cộng đồng dân tộc, trong đó, các giai tầng hy sinh lợi ích riêng hay chấp nhận lợi ích của các giai tầng khác để bảo vệ lợi ích chung, lâu dài.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), chỉ rõ về sự đại đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam khi kết thúc thời kỳ quá độ là: "Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển".

Đại hội X khẳng định và Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, nhận định về vai trò to lớn của đại đoàn kết toàn dân tộc: Là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cơ sở, điều kiện của đại đoàn kết toàn dân tộc là:

- Sự thống nhất về lợi ích và chấp nhận sự khác biệt không trái với lợi ích chung, lâu dài. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội.

- Công bằng là cơ sở quan trọng nhất đảm bảo sự đoàn kết. Chỉ có thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội mới đảm bảo có đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng; Đảng gắn bó chặt chẽ với nhân dân; Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình.

- Có sự quản lý, điều hành, sự quan tâm của Nhà nước; pháp luật của nhà nước luôn hướng sự thống nhất lợi ích toàn dân tộc...

- Đảng, Nhà nước có chủ trương, chính sách hài hòa đối với các giai tầng trong xã hội, đảm bảo mọi tầng lớp dân cư đều có điều kiện phát triển và được hưởng lợi ích từ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và đổi mới đất nước mang lại; thực hiện đường lối liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và trí thức.

2. Quan điểm của Đảng về phát huy sức mạnh toàn dân tộc

Sức mạnh của một cộng đồng được tạo nên bởi các thành viên trong cộng đồng đó bảo vệ, giúp đỡ, tương trợ, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển; các thành viên hy sinh lợi ích riêng vì lợi ích chung hoặc chấp nhận, tôn trọng lợi ích riêng của các thành viên khác, không để ảnh hưởng đến lợi ích chung.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn xác định phát huy sức mạnh toàn dân tộc là nguồn lực chủ yếu để đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội VI của Đảng xác định: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”. Đại hội VIII khẳng định: “Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay”. Đại hội IX của Đảng một lần nữa nhấn mạnh: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của

các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”. Đại hội X nhấn rất mạnh nhiệm vụ phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đưa vấn đề phát huy sức mạnh toàn dân tộc là một trong bốn thành tố của chủ đề của Đại hội; coi đó là nguồn sức mạnh, là động lực chủ yếu và là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Tiếp tục đường lối được xác định trong các đại hội trước, Đại hội XI khẳng định "Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình"

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân...”.

Đại hội XII nhấn mạnh yêu cầu trong giai đoạn cách mạng hiện nay là phải “tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”

Quan điểm phát huy sức mạnh toàn dân tộc của Đảng ta được thể hiện qua các nội dung sau:

Một là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Bà là, vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc bắt đầu từ sự đặt đúng vị trí của yếu tố lợi ích, theo quan điểm được xác định từ Nghị quyết Trung ương 8B khóa VI là: “Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ công dân”.

Bốn là, thực hiện dân chủ và phát huy chủ nghĩa yêu nước là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước luôn luôn là động lực lớn nhất của dân tộc ta trong quá trình lịch sử. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng.

2. Phương hướng, nội dung, giải pháp phát huy sức mạnh toàn dân trong giai đoạn hiện nay

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát huy vai trò của nhân dân trong việc giải quyết những vấn đề lớn của đất nước.

- đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm mọi người dân đều được hưởng thành quả của công cuộc đổi mới.

- Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn; kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân; sửa đổi, bổ sung các chính sách pháp luật về tiền lương, BHYT, BHXH, BHTN... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

- Xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học

công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ.

- Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả công hiến.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao.

- Đổi mới nội dung và phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống, bồi dưỡng tư tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ.

Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới; tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng.

- Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách tạo điều kiện đồng thời động viên cựu chiến binh tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN, giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống, tích cực tham gia giáo dục lòng yêu nước, yêu CNXH và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ.

- Quan tâm chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện cho người cao tuổi hưởng thụ văn hóa, tiếp cận thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo Hiến chương, điều lệ của các tôn giáo đã

được Nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, góp phần tăng cường hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

- Tiếp tục tăng cường củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhân dân.

II. PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Dân chủ là bản chất của chủ nghĩa xã hội

Dân chủ là từ xuất hiện từ lâu ở Hy Lạp, theo chữ Hy Lạp “demos” và “kratos”, có nghĩa là “nhân dân” và “chính quyền” tạo thành. Đến thế kỷ thứ XVIII, người Anh đã dựa vào ngôn ngữ Hy Lạp cổ để đưa ra thuật ngữ “democracy”, có nghĩa là “chính thể dân chủ”, một trong những hình thức chính quyền với đặc trưng là chính quyền nhà nước thừa nhận quyền tự do và bình đẳng của công dân.

Khi xã hội phát triển đến trình độ nhất định thì xuất hiện "nhà nước" và song song với điều đó là sự xuất hiện của phạm trù "nhân dân".

Nhà nước là người cai quản nhân dân, quyết định nhân dân được làm gì và không được làm gì. Nếu nhà nước quyết định mọi vấn đề thì đó là nhà nước không có dân chủ. Nếu nhân dân có quyền quyết định hoặc tham gia với nhà nước quyết định những vấn đề nhất định thì đó là xã hội có dân chủ.

Như vậy, dân chủ là quyền của nhân dân tự mình quyết định hoặc tham gia với nhà nước quyết định những vấn đề nhất định.

Dân chủ là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Không có chủ nghĩa xã hội phi dân chủ. Do đó, dân chủ là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội, nhân dân làm chủ, do đó, "mọi quyền lực đều nằm ở nơi dân", thuộc về nhân dân.

Dân chủ là mục tiêu của xã hội chủ nghĩa và là động lực của sự phát triển của xã hội. Dân chủ là mục tiêu bởi vì sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta do

Đảng lãnh đạo nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, đảm bảo để con người thực sự làm chủ xã hội. Dân chủ là động lực cho sự nghiệp đổi mới vì dân chủ hóa đời sống xã hội sẽ phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác của mỗi con người, làm cho mọi tiềm năng sáng tạo được tự do phát triển; mọi người dân được tham gia vào các quá trình chính trị, xã hội trên tất cả các khâu, từ hoạch định đường lối đến triển khai, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và tổng kết...

Trong chủ nghĩa xã hội, dân chủ phải được thực hiện trên thực tế. Phát huy dân chủ đồng thời phải đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Phát huy dân chủ nhằm thực hiện mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời, tạo ra động lực cho quá trình đi lên đó.

Có hai hình thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Đó là dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp, tức là dân chủ đại diện. Người đại diện lớn nhất cho quyền làm chủ của nhân dân là Nhà nước. Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện".

2. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là nguồn động lực chủ yếu của công cuộc đổi mới

Đảng ta luôn coi trọng phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, coi đó là động lực phát triển của công cuộc đổi mới. Muốn thực hiện nhiệm vụ này, cần coi trọng bảo đảm thực hiện làm chủ của người dân xây dựng môi trường, cơ chế và các hình thức phong phú thực hiện dân chủ, cụ thể là:

- Tôn trọng, đảm bảo quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của người dân, gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ công dân, tạo ra ngày càng đầy đủ những điều kiện cho sự giải phóng mọi năng lực sáng tạo của con người trong thực hiện công cuộc đổi mới.

- phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là tạo môi trường và điều kiện để nhân dân tham gia đóng góp ngay trong quá trình hình thành những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ đó mà mọi quyết định được xây dựng xuất phát từ nhu cầu nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân đồng tình hưởng ứng và

có tác dụng, được nhân dân đồng tình hưởng ứng và có tác dụng tích cực trong thực tế.

- phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là có cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, tạo môi trường chính trị, xã hội ổn định cho phát triển đất nước.

- phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa có quan hệ chặt chẽ với phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Do thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa mà các tầng lớp, giai cấp trong xã hội, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài nhận thức được lợi ích quốc gia, dân tộc là điểm tương đồng và để thực hiện lợi ích của tầng lớp, giai cấp mình, trước hết và yêu cầu xuyên suốt là phải cùng nhau đoàn kết vì lợi ích quốc gia dân tộc. Đồng thời, thực hiện tốt dân chủ trong xã hội sẽ tạo điều kiện thực hiện công bằng xã hội, làm cho mối quan hệ giữa các tầng lớp, giai cấp trong xã hội ngày càng phát triển bền vững.

- Phát triển hài hòa các hình thức và phương thức thực hiện dân chủ, nhất là các hình thức dân chủ trực tiếp; phát huy dân chủ đồng thời với tăng cường kỷ cương, kỷ luật, tuân thủ pháp luật; coi trọng, phát huy dân chủ trong Đảng, trọng hệ thống chính trị, gắn với dân chủ hóa toàn bộ đời sống xã hội sẽ đảm bảo dân chủ xã hội chủ nghĩa trên thực tế được thực hiện một cách toàn diện.

3. Nội dung phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

- Kế thừa quan điểm của Đảng tại các đại hội trước về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân như sau:

- Bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảm bảo để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân.

- Thể chế hóa và nâng cao chất lượng của các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ

bản của công dân theo Hiến pháp; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng đảm bảo bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân. Thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

- Để thực hiện tốt dân chủ trong xã hội, trước hết phải đảm bảo phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội. Quá trình thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta do ĐCSVN lãnh đạo. Trong điều kiện đó, dân chủ trong Đảng gắn liền với dân chủ trong xã hội có vai trò rất quan trọng. Chỉ thực hiện tốt dân chủ trong Đảng mới có thể xây dựng và phát triển tốt dân chủ trong xã hội. Đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội để phát huy quyền làm chủ của người dân, vai trò chủ động, sáng tạo của MTTQ và các đoàn thể nhân dân. Tổ chức, thực hiện tốt quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân góp ý về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Quy định về giám sát đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các quy định, quy chế khác.

- Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

III. XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Quan điểm của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Trước đổi mới, Đảng ta chưa dùng khái niệm nhà nước pháp quyền, mặc dù trong các Hiến pháp 1946, 1959, 1980 đã thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng pháp luật và tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước theo tinh thần Nhà nước pháp quyền ở mức độ nhất định. Bắt đầu từ Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII (1-1994), Đảng ta đã dùng khái niệm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội IX khẳng định "Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực

nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật". Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) thông qua tại Đại hội XI khẳng định: "Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân". Điểm 2 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, có thể rút ra những đặc trưng cơ bản của *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta* như sau:

Một là, đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Hai là, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Ba là, Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bốn là, Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân; thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

Năm là, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đồng thời bảo đảm sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

2. Bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Điều 2 Hiến pháp năm 2013 xác định "Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức".

Bản chất Nhà nước của dân, do dân và vì dân được thể hiện bằng những đặc trưng sau:

Một là, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành đấu tranh cách mạng, trải qua bao hy sinh gian khổ, giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do nhân dân mà nòng cốt là liên minh công - nông - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, là người lãnh đạo để thực hiện quyền lực của nhân dân. Đó chính là tính chất giai cấp của Nhà nước ta.

Nhân dân với tư cách là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, thực hiện quyền lực nhà nước với nhiều hình thức khác nhau. Hình thức cơ bản nhất là nhân dân thông qua bầu cử lập ra các cơ quan đại diện quyền lực của mình. Điều 6 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân". Đồng thời, nhân dân có quyền giám sát, yêu cầu các đại biểu và cơ quan do nhân dân lập ra trả lời những vấn đề của nhân dân đặt ra trong việc thực thi chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo quyền lợi của nhân dân.

Hai là, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, là biểu hiện tập trung của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tính dân tộc của Nhà nước Việt Nam vừa là bản chất, vừa là truyền thống, vừa là nguồn gốc sức mạnh của Nhà nước ta. Ngày nay, tính dân tộc ấy lại được

tăng cường và nâng cao nhờ khả năng kết hợp giữa tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính thời đại. Điều 5 Hiến pháp năm 2013 khẳng định:

"Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình...

Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước".

Các dân tộc có quyền lựa chọn những đại biểu ưu tú của dân tộc mình tham gia vào cơ quan Nhà nước các cấp.

Ba là, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng trong mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân.

Khi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, thì quan hệ giữa Nhà nước và công dân đã thay đổi, công dân có quyền tự do, dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời phải làm tròn nghĩa vụ trước Nhà nước. Pháp luật bảo đảm thực hiện trách nhiệm hai chiều giữa Nhà nước và công dân: quyền của công dân là nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân là quyền của Nhà nước.

Bốn là, tính chất dân chủ rộng rãi của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Dân chủ hoá đời sống xã hội và hoạt động của Nhà nước là đòi hỏi có tính nguyên tắc, nảy sinh từ bản chất dân chủ của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thực chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa là thu hút những người lao động tham gia một cách bình đẳng và ngày càng rộng rãi vào quản lý công việc của Nhà nước và của xã hội. Vì vậy, quá trình xây dựng Nhà nước phải là quá trình dân chủ

hoá tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời, phải cụ thể hoá tư tưởng dân chủ thành các quyền của công dân, quyền dân sự, chính trị cũng như quyền kinh tế, xã hội và văn hoá. Phát huy được quyền dân chủ của nhân dân ngày càng rộng rãi là nguồn sức mạnh vô hạn của Nhà nước.

Những đặc điểm mang tính bản chất nêu trên của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện cụ thể trong các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và được pháp luật chế định một cách chặt chẽ.

3. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân trong giai đoạn hiện nay

Đại hội X chỉ rõ: Xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) thông qua tại Đại hội XI yêu cầu: “Không ngừng hoàn thiện tổ chức nhà nước”.

Để thực hiện yêu cầu trên, trong những năm tới cần làm tốt các nhiệm vụ sau:

Một là, Tiếp tục hoàn thiện thể chế chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức nhà nước theo quy định của Hiến pháp 2013.

Phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường.

Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực Nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất. Xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền; quy định rõ hơn cơ chế phối hợp và thực hiện, kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền.

Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giúp cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

Hai là, hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất. Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao nhất là đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước.

Hoàn thiện cơ chế để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử, nhất là hoạt động lập pháp của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cơ chế giám sát, đánh giá đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, HĐND bầu hoặc phê chuẩn. Tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội với kiểm tra, giám sát của Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của nhân dân.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ, xác định rõ chức, năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Đẩy mạnh chương trình Tổng thể cải cách hành chính nhà nước theo hướng xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ nhân dân hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thiện thể chế hành chính dân chủ - pháp quyền, quy định trách nhiệm và cơ chế giải trình của cơ quan nhà nước; giảm mạnh, bãi bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà cho người dân, cho doanh nghiệp. Đề cao đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của cán bộ, công chức; đẩy nhanh việc áp dụng chính phủ điện tử. Sau Đại hội XII của Đảng, vấn đề xây dựng chính phủ kiến tạo, phục vụ, liêm chính và hành động được đặt ra, thực hiện ngày càng cụ thể hơn.

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại, bảo vệ pháp luật, quyền công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Phân định rành mạch thẩm quyền quản lý hành chính và trách nhiệm, quyền

hạn tư pháp trong tổ chức, hoạt động của cơ quan tư pháp. Cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc hiến định về chức năng, nhiệm vụ của toàn án nhân dân và hoạt động xét xử.

Tổ chức tòa án theo thẩm quyền xét xử; đảm bảo nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh cử trong tranh tụng trong xét xử đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo và đương sự. Tiếp tục xã hội hóa một số hoạt động tư pháp và hỗ trợ tư pháp có đủ điều kiện.

Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra.

Kiện toàn tổ chức cơ quan điều tra, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của luật sư, hỗ trợ tư pháp.

- Đối với chính quyền địa phương: xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của cấp chính quyền địa phương theo quy định của hiến pháp và pháp luật. Việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương gắn kết hữu cơ với đổi mới cơ chế tổ chức và hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt theo quy định.

Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức: Đảng tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn cơ chế, chính sách cụ thể. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện thí điểm dân bầu trực tiếp một số chức danh ở cơ sở và cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng

lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Đẩy mạnh đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong cơ quan nhà nước và tổng đội ngũ cán bộ, công chức.

Câu hỏi thảo luận

1. Trình bày nội dung phát huy dân chủ trong giai đoạn hiện nay?
2. Trình bày và phân tích một số nội dung chính của quan điểm phát huy sức mạnh toàn dân tộc và nội dung, giải pháp phát huy sức mạnh toàn dân trong giai đoạn hiện nay ?
3. Phân tích mối quan hệ giữa phát huy dân chủ và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc?
4. Trình bày những quan điểm của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền?
5. Làm rõ bản chất của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?
6. Trình bày các nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay?